Chi tiết mã HS 4302.11.00

Mã HS	4302.11.00
Mô tả hàng hóa	Da lông đã thuộc hoặc chuội (kể cả đầu, đuôi, bàn chân và các mẩu hoặc các mảnh cắt khác), đã hoặc chưa ghép nối (không có thêm các vật liệu phụ trợ khác) trừ loại thuộc nhóm 43.03 / - Loại da nguyên con, có hoặc không có đầu, đuôi hoặc bàn chân, chưa ghép nối: / - - Của loài chồn vizôn
Đơn vị	kg/chiếc/m2
Thời điểm tạo	04/11/2026 15:49:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/43021100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6772
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6772
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6772
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6555
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6510
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6510
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6510
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6510
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6510
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6510
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6560
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6560
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6560
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6560

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6560
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6560
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6560
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6560
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6560
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6560
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6560
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6560
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6562
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6516
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6518
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6518
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6518
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6518
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6518
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6518
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6538
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6538
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6538
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6538
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6538
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6538
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6591
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6591
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6591
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6591

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6591
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6591
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6573
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6573
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6573
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6573
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6573
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6573
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6581
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6581
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6581
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6581
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6581
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6581
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6574
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6574
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6574
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6574
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6574
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6574
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6576
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6576
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6576
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6576
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6576
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6576

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6540
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6540
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6540
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6540
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6540
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6540
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6540
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6575
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6575
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6575
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6575
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6575
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6575
RCEP B	2022	2022	0	B!D6575
RCEP B	2023	2023	0	B!E6575
RCEP B	2024	2024	0	B!F6575
RCEP B	2025	2025	0	B!G6575
RCEP B	2026	2026	0	B!H6575
RCEP B	2027	2027	0	B!I6575
RCEP C	2022	2022	0	C!D6575
RCEP C	2023	2023	0	C!E6575
RCEP C	2024	2024	0	C!F6575
RCEP C	2025	2025	0	C!G6575
RCEP C	2026	2026	0	C!H6575
RCEP C	2027	2027	0	C!I6575
RCEP D	2022	2022	0	D!D6575

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E6575
RCEP D	2024	2024	0	D!F6575
RCEP D	2025	2025	0	D!G6575
RCEP D	2026	2026	0	D!H6575
RCEP D	2027	2027	0	D!I6575
RCEP E	2022	2022	0	E!D6578
RCEP E	2023	2023	0	E!E6578
RCEP E	2024	2024	0	E!F6578
RCEP E	2025	2025	0	E!G6578
RCEP E	2026	2026	0	E!H6578
RCEP E	2027	2027	0	E!I6578
RCEP F	2022	2022	0	F!D6575
RCEP F	2023	2023	0	F!E6575
RCEP F	2024	2024	0	F!F6575
RCEP F	2025	2025	0	F!G6575
RCEP F	2026	2026	0	F!H6575
RCEP F	2027	2027	0	F!I6575
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6072
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6072
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6072
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6072

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4302.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4302.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6772), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.